

## BÁO CÁO

### Tình hình phát triển kinh tế - xã hội năm 2017 và kế hoạch năm 2018 ngành Xây dựng

#### I. Tình hình thực hiện năm 2017

Năm 2017; Ngành xây dựng trong điều kiện việc đầu tư xây dựng phát triển các công trình dân dụng - công nghiệp, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị bằng nguồn vốn ngân sách còn hạn chế; việc thu hút các nguồn ngoài ngân sách có nhiều chuyển biến tích cực nhưng chưa được như mong muốn. Tuy nhiên với sự quyết tâm của toàn Ngành cũng đã đạt được một số chỉ tiêu, mục tiêu nêu sau:

#### 1. Một số chỉ tiêu của Ngành đạt được trong năm 2017

##### 1.1 Về Phát triển đô thị, quản lý quy hoạch & kiến trúc

- Tỷ lệ đô thị hóa đạt 31,9 % (so với năm 2016, tăng 0,9%), chưa đạt chỉ tiêu.
- Tỷ lệ phủ kín quy hoạch phân khu đạt 85%, đạt chỉ tiêu.

##### 1.2 Về hạ tầng đô thị

- Tỷ lệ dân cư đô thị được cung cấp nước sạch đạt 78%, đạt chỉ tiêu năm.
- Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị đạt 78%, đạt chỉ tiêu.

##### 1.3 Về nhà ở

+ Nhà ở xã hội cho người thu nhập khu vực đô thị: Hoàn thành, bán 716 căn hộ, đạt 60% kế hoạch 2016-2020 (theo Kế hoạch chưa điều chỉnh).

+ Hỗ trợ hộ nghèo và đối tượng chính sách cải thiện nhà ở tại khu vực nông thôn: Đạt được 1400 hộ; trong đó đối tượng chính sách 1265 hộ; không đạt chỉ tiêu.

##### 1.4 Sản phẩm vật liệu xây dựng:

- Vật liệu xây dựng chủ yếu:
- Gạch nung; Công suất thiết kế: 505 triệu viên, Sản lượng: 399,66 triệu viên;
- Gạch không nung; Công suất : 101,24 triệu viên, Sản lượng: 50,62 triệu viên.
- Đá xây nghiền; Công suất : 2,94 triệu m<sup>3</sup>, Sản lượng: 1,76 triệu m<sup>3</sup>.
- Đá ốp lát; Công suất : 564.857 m<sup>2</sup>, Sản lượng: 508.371 m<sup>2</sup>.
- Bê tông thương phẩm; Công suất : 630.000 m<sup>3</sup>, Sản lượng: 63.000 m<sup>3</sup>.
- Tấm lợp; Công suất : 2,1 triệu m<sup>2</sup>, Sản lượng: 1,72 triệu m<sup>2</sup>.
- Cát xây dựng: 652.818,00 m<sup>3</sup>.

#### 2. Các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện hoàn thành:

- Hoàn thành việc lập 08/11 đồ án Quy hoạch cấp nước vùng tỉnh, Chương trình phát triển đô thị Phú Phong; các đồ án quy hoạch đô thị, như: Quy hoạch chi tiết khu đất Trung tâm đào tạo nghiệp vụ Giao thông vận tải và khu vực liền kề; Quy

hoạch điều chỉnh Trường Cao đẳng kỹ thuật công nghệ Quy Nhơn, Quy hoạch phân khu khu vực Tây Bắc thành phố Quy Nhơn và vùng phụ cận; Quy hoạch sử dụng đất dọc Đường trục Khu kinh tế Nhơn Hội nối dài;... bảo đảm tiến độ và chất lượng theo yêu cầu của UBND tỉnh. Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước thông qua thẩm định 71 đề án quy hoạch, với quy mô 3310 ha, tăng 57,57% so cùng kỳ năm. Thỏa thuận 06 đề án quy hoạch thuộc thẩm quyền phê duyệt UBND cấp huyện. Đề xuất UBND tỉnh phê duyệt ý tưởng phương án thiết kế kiến trúc 06 dự án lớn. Cấp 202 Giấy phép xây dựng, với tổng diện tích sàn 444.013m<sup>2</sup>, số lượng tăng 63,57% so cùng kỳ. Phối hợp, hướng dẫn, đánh giá kết quả thực hiện Tiêu chí Quy hoạch nhà Tiêu chí về Nhà ở để công nhận 12 xã đạt chuẩn Nông thôn mới.

- Hoàn thành Quy hoạch cấp nước vùng tỉnh, nâng công suất, mở rộng hệ thống cấp nước địa bàn thành phố Quy Nhơn và các đô thị trên địa bàn tỉnh. Hoàn thành công bố Định hướng thoát nước toàn tỉnh và thành phố Quy Nhơn. Thực hiện tốt kêu gọi đầu tư vào hoạt động cung cấp thoát nước, thu gom, xử lý chất thải rắn và các công trình hạ tầng kỹ thuật,

Qua đó; làm cơ sở để tăng cường công tác quản lý ngày càng hiệu quả; từng bước cải tạo, chỉnh trang đô thị thành phố Quy Nhơn, các đô thị An Nhơn, Hoài Nhơn, Tây Sơn; tạo tiền đề nâng cấp đô thị; nâng cao năng lực điều hành hoạt động quản lý và phát triển cấp, thoát nước và hạ tầng dịch vụ đô thị. Nâng chỉ số cạnh tranh, hỗ trợ thu hút đầu tư; góp phần phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị và du lịch của tỉnh.

- Quản lý hoạt động xây dựng được tăng cường thông qua thực hiện nhiều giải pháp: Giải pháp nâng cao năng lực các doanh nghiệp xây dựng, tổ chức sát hạch, đánh giá, xếp hạng năng lực cho 76 tổ chức và 121 cá nhân; hoàn thành việc kiện toàn các Ban QLDA đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh; rà soát để công nhận các tổ chức, cá nhân giám định tư pháp xây dựng. Giải pháp xác lập định mức, công bố giá xây dựng, giá vật liệu xây dựng phù hợp. Giải pháp thẩm định thiết kế xây dựng, thiết kế cơ sở 450 công trình (tính đến ngày 30/10/2017); kiểm tra nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng 134 công trình, kịp thời và đúng thời gian quy định, cắt giảm 1,18% giá trị tổng dự toán đề nghị thẩm định. Góp phần chống thất thoát, lãng phí trong đầu tư xây dựng; nhất là các công trình trọng điểm, công trình hạ tầng phục vụ tái định cư của tỉnh.

- Hoàn thành việc Điều chỉnh Quy hoạch phát triển Vật liệu xây dựng đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030; Điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch khoáng sản đất, cát làm vật liệu xây dựng thông thường. Tích cực đôn đốc thực hiện lộ trình xóa bỏ lò gạch thủ công từ 455 lò năm 2016 đến nay còn 214 lò, khuyến khích sản xuất và tiêu thụ sản phẩm gạch không nung, giảm sản lượng đất sét nung thủ công bằng lò nung công nghệ Hoffmann, tăng gạch không nung 50,62 triệu viên/năm.

- Quản lý, phát triển nhà ở xã hội được chú trọng đúng mức tạo điều kiện tốt nhất để thu hút đầu tư và đẩy nhanh tiến độ xây dựng. Đến nay, trên địa bàn thành

phố Quy Nhơn đã hoàn thành 716 căn hộ, tương đương 51.130m<sup>2</sup> sàn; đạt gần 60% so với Kế hoạch phát triển nhà ở xã hội giai đoạn 2016-2020 (1.200 căn hộ).

- Giải quyết, xử lý 68 đơn thư, kiến nghị của các tổ chức, công dân kịp thời không có đơn thư tồn đọng; chưa có khiếu kiện xảy ra do hoạt động hành chính của CC và cơ quan gây nên. Tổ chức các hội nghị, cuộc họp kịp thời, đầy đủ bảo đảm theo yêu cầu của cấp trên; yêu cầu công tác lãnh đạo, chỉ đạo; nội dung đạt chất lượng, hiệu quả.

- Phối hợp tích cực với các sở, ngành, địa phương trong thi công các dự án trọng điểm, các đề án, chương trình, nội dung có liên quan đến Sở.

### **Những hạn chế, tồn tại**

Tuy nhiên, những kết quả đạt được nêu trên vẫn còn tồn tại, hạn chế, đó là:

- Tốc độ phát triển đô thị chậm; việc phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị chưa tương xứng với yêu cầu.

- Việc quản lý chất lượng công trình xây dựng mặc dù đã đẩy mạnh phân cấp nhưng các cấp, các ngành, các chủ đầu tư chưa quan tâm đúng mức.

\* Nguyên nhân khách quan, như: Nhu cầu đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật lớn nhưng nguồn ngân sách Nhà nước còn quá hạn chế; đầu tư từ nguồn vốn ngoài ngân sách tuy đã có khởi sắc nhưng cũng chỉ ở lĩnh vực phát triển du lịch, còn lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật rất hạn chế. Năng lực nhân sự về kỹ thuật, năng lực công nghệ các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh còn nhiều hạn chế. Năng lực chuyên môn cấp huyện còn hạn chế, việc quản lý dự án đầu tư của các chủ đầu tư có nơi còn buông lỏng về chất lượng.

\* Nguyên nhân chủ quan: Trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ quản lý Nhà nước về lĩnh vực Ngành, chưa thường xuyên kiểm tra, rà soát và đôn đốc để thực hiện các chỉ tiêu, mục tiêu và giải pháp đề ra.

## **II. Chỉ tiêu, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp năm 2018**

### **1. Một số chỉ tiêu, mục tiêu đạt được trong năm 2018**


#### **1.1. Phát triển đô thị, quản lý quy hoạch & kiến trúc**

- Tỷ lệ đô thị hóa đạt 33,0 % (so với năm 2017, tăng 1%).
- Công nhận 01 xã Cát Tiến- huyện Phù Cát, đạt chuẩn đô thị loại V.
- Hoàn thành Chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh và Chương trình phát triển đô thị thị xã An Nhơn.
- Tỷ lệ phủ kín quy hoạch phân khu đạt 85%.

#### **1.2. Về hạ tầng đô thị**

- Tỷ lệ dân cư đô thị được cung cấp nước sạch đạt 79%.
- Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị đạt 78%.

#### **1.3. Về nhà ở**

- Phấn đấu hỗ trợ cho hộ nghèo, đối tượng chính sách cải thiện nhà ở tại khu vực nông thôn: 4000 hộ, trong đó: đối tượng chính sách 3795 hộ. 

- Phân đầu hoàn thành nhà ở xã hội cho đối tượng thu nhập thấp tại đô thị với 2272 căn hộ (theo Kế hoạch điều chỉnh, giai đoạn 2017-2020).

#### **1.4. Sản phẩm vật liệu xây dựng chủ yếu:**

- Gạch nung: 427,64 triệu viên;
- Gạch không nung: 75,93 triệu viên.
- Đá xây nghiền: 2.12 triệu m<sup>3</sup>.
- Đá ốp lát: 559.208 m<sup>2</sup>.
- Bê tông thương phẩm: 189.000 m<sup>3</sup>.
- Tấm lợp: 1,91 triệu m<sup>2</sup>.
- Cát xây dựng: 718.100,00 m<sup>3</sup>.

### **2. Nhiệm vụ và giải pháp**

#### **2.1 Phát triển đô thị, quản lý quy hoạch & kiến trúc**

##### **a) Phát triển đô thị**

- Hoàn thành việc lập Chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh, Chương trình phát triển thị xã An Nhơn. Triển khai có hiệu quả Kế hoạch thực hiện Chương trình phát triển đô thị Quy Nhơn, Chương trình Phát triển đô thị Phú Phong. Tăng cường quản lý và kêu gọi các nguồn lực đầu tư phát triển đô thị theo quy hoạch chung và chương trình phát triển đã được phê duyệt.

- Hướng dẫn, đôn đốc UBND các huyện, khẩn trương rà soát tiêu chí, xây dựng xã Cát Tiến- Phù Cát, An Hòa- An Lão, Khu vực Vĩnh Lợi- huyện Phù Mỹ, đạt chuẩn, công nhận đô thị loại 5.

- Thực hiện tốt cung cấp thông tin; công khai các quy hoạch; luôn tạo điều kiện thuận lợi để đẩy nhanh tiến độ đầu tư các dự án công nghiệp, du lịch, các công trình trọng điểm của tỉnh đang và sẽ triển khai thực hiện, như: Becamec Canh Vinh, FLC, Tôn Hoa Sen, ..... Từng bước cải tạo, chỉnh trang đô thị thành phố Quy Nhơn theo Quy hoạch điều chỉnh được duyệt.

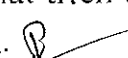
##### **b) Quản lý quy hoạch xây dựng và kiến trúc**

- Đẩy nhanh tiến độ và nâng cao chất lượng lập các đồ án quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị. Đôn đốc việc rà soát và điều chỉnh lại các đồ án quy hoạch phù hợp. Bảo đảm quy hoạch phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ.

- Hoàn thành Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh và các quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các quy hoạch, kế hoạch theo đúng tiến độ.

- Xây dựng, điều phối đầu tư xây dựng phát triển theo Chương trình phát triển đô thị, theo quy hoạch xây dựng được duyệt; trọng tâm là quy hoạch đô thị, khu cụm công nghiệp, xây dựng hệ thống hạ tầng kết nối (giao thông, cấp nước, thoát nước,...); phát triển nguồn lực, bảo vệ môi trường.

#### **2.2. Về hạ tầng kỹ thuật đô thị**

Tăng cường, nâng cao nhận thức, năng lực quản lý và phát triển cấp nước, thoát nước, chất thải rắn đô thị, vận động cùng tham gia hoạt động. 

Tiếp tục công tác quy hoạch hạ tầng kỹ thuật đô thị; kêu gọi các thành phần kinh tế tham gia đầu tư và vận hành hoạt động cấp nước và thu gom, xử lý chất thải rắn đô thị và các công trình hạ tầng kỹ thuật khác, nhất là theo phương thức PPP.

Ưu tiên phân bổ nguồn vốn để mở rộng, đầu tư xây dựng mới các bãi chôn lấp hợp vệ sinh trên địa bàn các huyện, thị xã.

### **2.3. Phát triển nhà ở và quản lý công sở**

Tiếp tục thực hiện tốt các Nghị quyết 99,100,101 và 117/ND-CP của Chính phủ và các văn bản pháp quy khác. Triển khai kịp thời công tác quản lý nhà ở thuộc SHNN, Nhà công sở, Nhà ở và thị trường bất động sản. Tập trung giải quyết dứt điểm các trường hợp xin mua nhà thuộc SHNN. Triển khai có hiệu quả kế hoạch cải tạo, xây dựng lại các Chung cư cũ xuống cấp.

Triển khai đồng bộ, có hiệu quả Chương trình phát triển nhà ở trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2013-2020, Chương trình hỗ trợ về nhà ở của Trung ương, Kế hoạch phát triển nhà ở xã hội giai đoạn 2016-2020 của tỉnh.

Trong đó chú trọng phát triển nhà ở xã hội cho người thu nhập thấp đô thị và nhà ở cho công nhân; thực hiện tốt các giải pháp về quy hoạch đất, về hạ tầng, kiến trúc và tài chính. Đồng thời hoàn thành kế hoạch của tỉnh về việc thực hiện hỗ trợ nhà ở cho người có công theo Quyết định số 22/2013/QĐ-CP của Chính phủ.

### **2.4. Quản lý, phát triển hoạt động xây dựng và vật liệu xây dựng**

Thực hiện nhiều giải pháp để nâng cao năng lực hoạt động của các doanh nghiệp xây dựng trong tỉnh. Rà soát đánh giá, xếp hạng doanh nghiệp để khuyến khích phát huy những doanh nghiệp nguồn nhân lực.

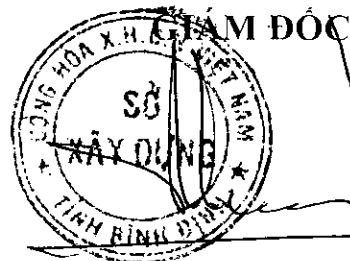
Tăng cường công tác quản lý chất lượng, sản phẩm ngành xây dựng, quản lý ngay từ khâu tư vấn khảo sát thiết kế, chất lượng nguyên vật liệu đầu vào nhất là trong quá trình thi công, đến khi kết thúc nghiệm thu đưa công trình sử dụng; thông qua công tác thanh tra kiểm tra, nghiệm thu công trình xây dựng.

Triển khai có hiệu quả Quy hoạch phát triển Vật liệu xây dựng đã ban hành; tăng cường công tác quản lý phát triển đúng hướng; xây dựng các cơ chế, chính sách để huy động các nguồn lực đầu tư khai thác, phát triển sản xuất VLXD. Thu hút thêm hơn nhiều lao động phục vụ cho các cơ sở sản xuất VLXD. Đảm bảo mục tiêu bền vững, bảo vệ cảnh quan môi trường.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện năm 2017 và kế hoạch năm 2018; đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp./.

#### **Nơi nhận:**

- Sở KH&ĐT ( b/c);
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng thuộc Sở
- Lưu: VT,VP.



**Đào Quý Tiêu**

